

SỐ 1719

PHÁP HOA VĂN CÚ KÝ

Đời Đường Tông Thiên Thai Sa-Môn Trạm Nhiên Thuật

QUYỂN 6

PHẦN THƯỢNG

Tiếp, “Kệ” văn: Trên nói kệ văn lãnh giải đều trình bày. Trước trong trường hàng thì lấy thân làm lãnh, dùng ý làm giải hoàn toàn Tựa như đều trình bày; mà nói “hợp”: là trong lãnh hợp giải, trong giải hợp lãnh cho nên nói hợp. Nay nói “các” (mỗi đều): là ba nghiệp đều có lãnh cùng giải, mặc dù giống như hợp nêu nhưng trong mỗi một nghiệp tự phân lãnh giải, cho nên gọi là “mỗi đều”. Lược nêu phân tiết, sau có thể y văn. Đã phân làm ba tức Nêu ra, Giải thích, Kết. Đầu tiên là thông nêu: “Con nghe” là nêu khẩu, “vui mừng” là nêu tâm. Nói “kiêm Phật”: là kiêm theo Phật tức là kiêm nêu thân. Đã là tổng nêu lại dùng “Con nghe pháp âm ấy...” là lãnh, “Lòng rất đổi vui mừng” là giải.

Tiếp giải thích ba nghiệp: trong một hàng rưỡi đầu tụng thân lãnh giải, thì một hàng đầu là thân lãnh, tiếp nữa hàng là thân giải. Tiếp, “Con ở...”: mười một hàng nêu khẩu lãnh giải, trong đó lại chia làm hai: Chín hàng đầu nêu thân xa, tiếp hai hàng nêu nhập pháp tánh. Chín hàng đầu chia làm hai: Tám hàng đầu nêu khẩu lãnh, tiếp một hàng nêu khẩu giải. Do lãnh mà giải (hiểu) lỗi ở khẩu xưa. Trong nhập pháp tánh lại chia làm hai: Một hàng rưỡi đầu tụng nêu khẩu lãnh, tiếp nữa hàng nêu khẩu giải. Do lãnh mà giải được sở đắc từ khẩu xưa.

Tiếp, “Mà nay...”: chín hàng rưỡi tụng ý lãnh giải, chia làm hai: Tám hàng đầu tụng ý lãnh, sau một hàng rưỡi tụng ý giải. Cuối, hai hàng rưỡi tụng kết thông, có hai: Một hàng rưỡi đầu tụng kết lãnh, tiếp một hàng tụng kết giải. Lãnh là ngoài lãnh Phật thuyết, giải tức trong thọ ý Phật. Do đó trong trường hàng thì hợp, kệ tụng thì ly mà chung làm một ý. Lại tổng chín hàng rưỡi đây ý văn lãnh giải, tụng tâm đặc diệu giải bên trên. Vả lại, y văn trước đồng dùng giải làm danh, nhưng trong đó lại phải phân nhỏ, cũng có thể chia làm tám:

- 1) Hai hàng đầu tụng: xưa chẳng thật.
- 2) Một hàng: chánh tụng nghe diệu giải ở chu đầu, tức tụng trong phương tiện hiển thật.
- 3) Một hàng: trở lại tụng trên pháp thuyết thời chu đầu lược nói mà sinh nghi hối.
- 4) Một hàng: tụng chương môn chư Phật bên trên: chủng chủng lãnh khai quyền bên trên, thí dụ tụng Đàm hoa bên trên.
- 5) Từ “Phật thuyết...” trở xuống một hàng tụng chương môn Phật quá khứ.
- 6) “Hiện tại...” một hàng tụng chương môn Phật hiện tại, vị lai.
- 7) “Như nay...” một hàng tụng chương môn Phật Thích-ca bên trên.
- 8) “Thế Tôn...” một hàng rưỡi tụng hối lỗi tự trách.

Nghiệm biết đầu tiên nghi, lỗi tại mình. Trước trong thân lãnh giải: Kinh nói: “Sắc vàng ba mươi hai tướng cho đến mười tám pháp bất cộng...” đều như trong Chỉ Quán quyển bảy nói. Nay văn thuộc Viên tỷ dụ nói có thể thấy. Lại, tám mươi tướng tốt: Căn cứ văn Đại kinh nói tướng tốt của Phật thì vô lượng, đây ứng trong sắc chỉ có tám mươi. Chúng sinh thế gian thờ tám mươi thân, cho nên đức Phật có đầy đủ để sinh tôn kính. Nay kinh văn ý tổng trình bày lỗi xưa. Nhưng Tám mươi tướng tốt đều có đủ tứ Tất-đàn để lợi tha không hẳn hoàn toàn là tám mươi thân, cho nên mỗi một tướng tốt đều là biển tốt. Nay nghe khai quyền chánh lãnh lỗi xưa, là tướng tốt không thể nghĩ bàn.

“Đầy đủ như...” trong Điều-đạt nói: Ta từng ngày đêm...: Nếu các Thánh lại dùng tối sáng mà làm đêm tối, thì đối điều này tư duy đầu đủ để trình bày, cho nên trong đây nên theo sở biểu. Giải thích có hai lớp đều căn cứ giáo xưa. Trong cơ nhậm vận sâu kín có cái nghi này, vì chưa được rõ ràng nên có thuyết này. Nếu trong sinh tử có, thì là ý Đại thừa. Nếu trong sinh tử không có, thì là ý Tiểu thừa. Đã đặc Tiểu thừa rồi, không biết đây chứng tại nơi nào chấp nhận. Xưa trong căn cơ từng

có nghi này đến nay, đây chính là dùng Tạng đối Diển mà làm trong ngoài. Nếu nay thấu hoạch ngộ thì cái nghi này ắt bỏ. Lại “Sinh tử...”: tiếp theo, vì sinh tử và Niết-bàn đều gọi là đêm, được nghe lý Trung đạo gọi là ngày, đây chính Biệt Viên dùng đối Tạng, Thông tối tầm sinh nghi. Sau nghe khai hiển thì nghi này mới trừ, đây là đối Phương-đẳng Bát-nhã đều nghe: Nhưng văn sơ nói ít, lẽ ra lại nói: Thật lý trung đạo làm ngày. Tại xưa đối với Đại thừa nghe lý Trung đạo này tuy đối đã chứng mà còn tối tầm sinh do dự; chưa chứng lý Trung này như mặt trời vẫn ẩn dấu, vừa nghe lược khai vẫn còn có nghi đây, hướng chỉ xưa ở Tiểu thừa. Nay nghe năm Đức Phật rộng hiển thật quyền mới trừ bỏ được hai nghi như mặt trời xuất hiện. Lại “Người đời...”: Ý thí dụ Thanh văn từng trải qua các pháp hội, hoặc bị la mắng hoặc được gia-bị, hoặc vui hoặc lo buồn, đến Pháp Hoa trải các đủ các gian khổ, tự hành lợi tha đều nghe biết chỉ vì cho rằng không phải nhiệm vụ của mình nên tự tha có chút sai biệt, nên cùng các vị mới bắt đầu thì khác. Cho nên biết bắt đầu từ vi tiện trải qua đầy đủ văn võ, hiểu rõ từ cạn dần đến sâu, biết vật có khả năng hay là không. Như Hương Tích Bồ-tát lại học song lưu (hai dòng), cho nên thảo sáng (mới bắt đầu) ít am hiểu các hành. Nhưng lại hai đường xen lẫn làm hơn thua không thể nhất hướng.

Nói “Năm vị đào thải”: là thông chỉ năm vị lấy làm đào thải, chẳng riêng gì Bát-nhã. Kinh nói: “Vô lậu khó nghĩ bàn...”: Xưa nói rằng vô lậu chỉ đến Vô dư, nay mới biết đến thật đạo tràng. “Hiểu ma phi ma...”: Xưa nghe khác bản, cho rằng Phật là ma. Nay mới biết vốn ngu, giác biết chỗ lầm ấy tức là Phật cho nên nói vậy. Kinh nói: “Phật dùng các món duyên...”: Trước dùng Thích-ca khai quyền giải thích chư Phật hiển thật, nói: “Ta dùng vô số phương tiện các thứ nhân duyên thí dụ ngôn từ...” cho đến “chương tam thế Phật”, mỗi mỗi đều nói “cũng dùng” cho đến “pháp ấy đều là nhất Phật thừa”. Trong Kết nói “Kết thành” lại có thể chia làm hai: Một hàng rười đầu tụng Kết, tiếp một hàng tụng Thành. Phần đầu Kết có hai: Ba câu đầu kết âm thanh Phật tức khẩu hỷ. Ba câu sau kết ý hỷ. Lại do nghe Phật, dùng kiêm thân cho nên có hoan hỷ nghi trừ, sở chứng sở thành cảm báo tác dụng. Thuật thành ba ý trên: Thấy Phật thuật thân hỷ, nghe pháp thuật khẩu hỷ, ngộ giải thuật ý hỷ. Xưa vẫn từng giáo hóa Đại, đâu chỉ ngày nay mới được thân cận ư! Tuy lại mê trong đó mà từng nghe chẳng sai lầm, tức hiển ngày nay lập lại duyên nghe; giữa đường giáo hóa (dạy) Tiểu thừa còn không làm tiểu, nay lại được nghe thì tin do bởi xưa đã được dạy. Nghiệm nay ý giải căn cứ xưa không hư dối. Nhưng thấy Phật... ba thứ

thông có ba lãnh. Nói “duyên thấy Phật”: Do xưa thấy Đại thừa cho nên ngày nay đặc Thật là duyên, thật mới gọi là “thấy”. Nói “duyên ưu hối nghe pháp”: Tự mình trong đó quên đến nay, là do chấp Tiểu, lại nghe hai tô đến lược thuyết ở nay. Phàm ưu hối, đều do xưa chấp Tiểu thừa. Nói “bất hư”: Xưa vốn nghe Đại, tin nay không đổi gạt.

Tiếp, “dẫn Thập trụ Tì-bà-sa luận” để giải thích “Vô thượng”; tiếp “dẫn kinh Anh Lạc” để giải thích “Đạo”, lại nhờ danh Biệt để hiển nghĩa Viên, nghĩa Viên danh Biệt tất cả đều rõ. Chỗ khác không có ý đây không thể lạm dụng. Bảy thứ vô thượng này vẫn chia hai lớp: Lớp đầu, một thứ trước là quả, sáu thứ sau là nhân. Hai nhân đầu là Lục hòa, hai nhân tiếp theo là Phước trí, hai nhân sau là Chứng hành. Tuy phân làm ba cặp xen nhau mà tướng và lực, cho nên sáu nhân đều gọi là Vô thượng. Vọng quả hành nhân cho nên quả trước nhân sau. Nói “Lục hòa”: Đầu tiên thọ trì vô thượng tức thân khẩu ý, do có ba hòa cho nên tự lợi ích vô thượng. Đại thừa lục hòa nhiếp trọn các pháp. Hai chướng chỉ là phiền não và sở tri, hai chướng đây nếu biệt luận thì tại Biệt Địa tiền, Vô tri chỉ là ngoại giới trần sa. Nếu thông trên dưới, thì vô tri tức nhiếp vô tri trong ngoài và do vô minh, cho nên tri chỉ là khai hợp sai khác. Trong hành vô thượng chỉ nói Thánh phàm không có ba thứ khác. Thiên là sở chứng, bệnh trẻ con là quả dụng, tu hai chứng một có hai khả năng đây, vì vậy nên chỉ nêu hai mà không liệt kê ba thứ còn lại. Lớp thứ hai, lại từ quả lập tức do sáu nhân từ quả lập xứng, tầm danh dựa theo giải thích để xuất ý chỉ của kinh. Dưới đã kết nói chủng chủng là nêu rõ vô thượng đạo, cho nên đạo nghĩa vô lượng tùy giáo nào mà thành! Cho nên nói kinh này Viên Vô thượng đạo tức là đạo của Vô thượng gia gọi là Vô thượng đạo. Mỗi mỗi Vô thượng đều đầy đủ Vô thượng của các đạo. “Xưa tuy Đại hóa...”: Giới nội vô minh cũng chưa từng phá, nên nói “Hoặc ám”. Nếu sơ tâm Viên tu thì dù chưa phá Kiến tứ, chỉ nghe một câu nạp chủng vào thức thì muôn kiếp không quên mất. Dùng ám vọng minh (tối đối sáng) mà còn chẳng lẫm chân ngộ thì lẽ nào lại hư dối? Huống chi là ngộ chân có thứ lớp có siêu vượt đầy đủ như trước nói. Cho nên, “Hoặc ám” là chỉ sáu căn về trước. Sáu căn tuy tức chưa phá vô minh, tương tự địa vị bất thoái còn gọi là “Bất ám”. “Nếu đặc đại giải...”: là trưng hỏi. “Thọ ký có bốn ý...”: Đáp ý là “cần phải thọ ký”. Bốn ý thọ ký đây nói đủ tại ba chu. Tại chu giữa, trong bốn ý ấy chỉ trừ chữ “trung” trong ý thứ hai. Cho nên, đến chu cuối thì chỉ có ba không có bốn ý. Lại trong bốn ý ở đây thì ý đầu có đầy đủ ba ý dưới. Lại, ý đầu và ý thứ tư thì đối xưa, ý thứ hai và thứ ba chỉ nay. Lại

ý đầu và thứ tư chỉ “tự”, ý thứ hai và thứ ba căn cứ “tha”. Lại ý thứ ba thì thông hiện tại và vị lai, ý đầu chỉ hiện tại, ý thứ hai chỉ vị lai, ý thứ tư chỉ quá khứ. Gia Tướng có mười ý nhiều mà không hợp. Nay điểm thô chỉ bày, khiến biết nhiều và lược.

1) Chứng giải bất hư.

2) Khiến không nghi hối. Hai thứ này thuộc Thuật thành, đầu cần lại nói thọ ký.

3) Dẫn vật sinh tin thuộc nay thứ ba.

4) Khiến Thân-tử hâm mộ quả, đây thuộc chương đầu tán thán hai trí của năm Đức Phật, vì muốn khai quyền, kiêm khiến mộ cực. Nay đây chỉ là thọ ký tám tướng, Sơ trụ tự đắc không cần nói “mộ”.

5) Vì dẫn tám bộ, chánh dẫn đồng loại, bát bộ là phụ. Đây đồng văn nay ý phụ thứ hai. Xưa chưa thọ ký nhị thừa cho nên nhị thừa căn tánh vĩnh viễn tuyệt dứt kỳ vọng kia, mà nay thọ ký, phụ dẫn bát bộ cho nên nói “cần phải thọ ký”.

6) Vì dẫn vật xưa sinh cùng ý nay đồng.

7) Hiển kinh bí mật, bí mật thuộc lý, thọ ký Tiểu thuộc sự. Lại, thọ ký thuộc hiển lộ, không gọi là bí mật, đây thuộc giáo xưa.

8) Muốn thành Đại thừa, đây thuộc ý đầu.

9) Hòa hội Đại tiểu nói “như xưa trách Di-lặc được nhận...”. Hòa hội là biệt danh của Khai quyền, do khai quyền nên mới được thọ ký.

10) Vì dẫn người có duyên, cũng là ý thứ ba.

Mười ý số nhiều nghĩa ít nhưng thiếu văn ý thứ tư này. Nguyên phát tâm Đại thừa thì hy vọng được thọ ký, cho nên biết mười nghĩa đó tuy nhiều mà không đủ. Các văn của số kia, đây theo lệ rất nhiều, ngoài ra không thể trình bày. Chánh trong Thọ ký thì mười thứ: Hành nhân....., kinh văn đều có hai. Trong Thời tiết có thể có số, trong Hành nhân có cúng Phật và tu hành, trong Đắc quả có thông hiệu và biệt hiệu, trong Quốc tịnh có quốc danh (tên) và quốc tịnh, trong Thuyết pháp có tam thừa và nhất thừa. Kinh văn tuy không nói nhất thừa, đã đáp lời nguyện nói Tam, nói Nhất làm chánh, chánh phụ gồm đầy đủ. Trong Kiếp danh có nêu có giải, trong Chúng số có nhân có hạnh, trong Thọ lượng có thọ lượng của Phật và thọ lượng của nhân dân. Riêng luận thọ mạng sau thành Phật, cho nên trừ vương tử. Trong Bồ xứ có y báo có chánh báo, trong Pháp trụ có chánh pháp và tượng pháp. Trong Viên tịnh, “trước, lập danh cõi kia...”: là tướng. Không cao thấp gọi là “bình”, không thiên lệch gọi là “chánh”. “An ổn...”: là độ (cõi), “dùng lưu ly.....”: là nêu tướng thù thắng. Trong Thuyết pháp thì căn cứ nay Đức Thích-ca

cho nên nói “cũng vậy”.

“Xá-lợi...”: là nêu thuyết ý Tam thừa. Cõi tịnh chỉ có một, đáp lời nguyện thuyết Tam, tức thiết lập tức phế bỏ.

Hỏi: Nguyện nói nơi nào?

Đáp: Căn cứ kinh Đại Bi Không Tạng nói: “Trong sáu mươi kiếp hành Bồ-tát đạo, nhân khi Bà-la-môn xin mắt, mà thoái lui. Nguyện ngày thành Phật khai pháp tam thừa”.

Hỏi: Đã được thọ ký rồi, vì sao lại trải qua bao nhiêu kiếp ư?

Đáp: Nếu thọ ký Bồ-tát thì chỉ thông đồ (đường lớn) nói “đắc vô sinh...”. Nay thọ ký Thanh-văn phải căn cứ kiếp nước, nơi Phật ứng thân thành cần có cơ duyên. Các Thanh-văn đây xưa chưa từng có hạnh của tịnh độ, nhờ thọ ký rồi sau mới cùng chúng sinh kết duyên. Căn cơ chúng sinh không đồng dẫn đến có kiếp nhiều ít. Long nữ tuy là Súc sinh mà dùng “thừa cấp” cho nên trước tu tập phương tiện. Nếu căn cứ quyền tích thì đây lại biệt luận. Lại các Thanh văn thời không đồng: Vì thích hợp chúng sinh nên tùy căn cơ dài ngắn, cơ duyên không đồng sơ trụ đâu có gì sai khác. Người đời thấy Thanh-văn được thọ ký thì cơ hiềm kiếp số dài xa, thấy Long nữ thành Phật bèn nghi thời tiết ngắn ngủi? Hoặc nghi ít lỗi mà mắc tội rất lớn, hoặc suy nghĩ ít thiện mà chiêu cảm công tự nhiên nhiều; hoặc chỉ trích Phật nói hồi hoặc bất định; hoặc trách Bồ-tát chỉ bày tích sai khác. Hoặc nghe thắng hạnh nhiều kiếp thì nghi giáo môn hư cấu, nghe chư Phật thần biến thì cho là tướng thuật thế gian bao gồm. Hoặc nghi sáu mươi tiểu kiếp coi như nửa ngày; hoặc mê một sát-na trải qua vô lượng kiếp. Nói như vậy là tà thì không thể biết số, chính vì hạt giống tà kiến mạnh, đời trước sức huân tập tu yếu, chấp tay ngay ngắn mà giữ cái tệ lậu, nhân rồi mà đàm luận thị phi. Chỉ tin giáo ngưỡng mộ lý, đâu cần suy đoán chủ quan. Phó duyên ích vật chẳng phải điều mà thế gian biết. Phải biết người này đâu hiểu Sơ trụ đắc tám tướng thọ ký, mười phương làm Phật thị hiện các thứ. Tuy thị hiện các thứ mà cùng Pháp thân thọ ký sai khác. Nếu không vì vật tu hạnh tịnh độ, thì nơi thành Phật vì sao chấp cõi? Trong phần “Kệ tụng”, kinh nói “Thập lực đấng”: tức chỉ Phật quả mới gọi là “lực”. Sơ trụ phần đắc, gọi là “công đức”.

Nói “đấng” là chẳng những chỉ cúng Phật kiêm tu hạnh tịnh độ, hoặc có thể do đắc thập lực công đức phần, thành sơ trụ thọ ký. Nếu dẫn Đại luận thì Bồ-tát có mười thứ lực phần, tức đây nêu nhập trụ Bồ-tát đầy đủ nhân thập lực. Kinh nói “Mỗi người đều cõi y trên của mình...”: Trong đây chung nói bốn chúng tám bộ và hai chúng xuất gia. Nói “y

trên”: tức Đại y. Nếu luận ba y thì đều không thể bỏ, do pháp ở phương Tây phần nhiều chỉ ba y. Như trong kinh Đại Phẩm, thì ba trăm Tỳ-kheo nghe Bát-nhã rồi đều lấy Tăng-già-lê để cúng dường. Trong Luận hoặc nói “quên tướng là pháp”; hoặc nói “ngày ấy lại đắc”. Hoặc chung nói “đó vì bao gồm tực”. Hoặc như Đại luận. Kinh nói “mà tự xoay chuyển”: là tiêu biểu nghe Thân-tử được thọ ký, pháp tánh tự nhiên mà chuyển, nhân quả y chánh tự tha đều chuyển.

Kinh nói “Tối đại Pháp luân” (Pháp luân rất lớn): “Tối” là kinh này khai trong Viên. “Đại” là Nhân (người)...bốn thứ Diệu, hoặc là mười thứ: Cảnh v.v..., hoặc là ba thứ: Phật v.v.... Luân của diệu pháp gọi là “Diệu pháp luân”. Đây lược đối đầu cuối, không thuật chặng giữa Phương-đẳng Bát-nhã, đầy đủ như trong Huyền Văn. Kinh Hoa Nghiêm nói mười việc gọi là chuyển pháp luân, đây mới thông phương. Lại nói Viên âm không còn Đại tiểu, mà chúng sinh tự sai khác. Đây chính là từ chối chê bai diệu pháp, sao gọi là xưng tán, sao cho là hồng kinh? Bốn hàng rưỡi cuối là tự thuật: Chỉ liệt kê ba danh. Trong đó nên phân một hàng đầu tự thuật. Tiếp hai hàng rưỡi tùy hỷ. Một hàng cuối là hồi hướng. Nên cần đối với văn, vi tế thuật ý kia. Trong năm pháp (sám) hồi không có ba loại này, đã dự biệt ký không có tội có thể hối. Đã thâm hoạch phần thọ ký cho nên không khuyến thỉnh, đã có chỗ đến nên lược không phát nguyện, nếu vọng cực quả chỉ trừ sám hối. Bốn thứ còn lại đều trong năm hối, đầy đủ như trong Chỉ Quán quyển bảy nói. “Như Thân-tử...”: ở trước bốn văn chỉ thuật ba đoạn: Pháp trước cùng nghe không cần thuật lại, chỉ thấy Thân-tử lãnh giải... ba thứ, con nay đồng nghe cũng nên cùng đắc đều là quyền: chỉ vì duyên thật hành chưa thuần thực, quyền hạnh đồng sinh, cho nên hơn bốn mươi năm không hiển chân thật, vừa nghe diệu lý của năm Đức Phật, bỗng nhiên liền phá vô minh, tìm kiếm có thể được thọ ký. Thật bệnh đã lành, Quyền tật cũng giảm, lẽ nào một đời giáo hóa công toàn là đảm nhiệm thật hành? Trong cụm từ “Bồ-tát cũng chưa lành bệnh vân vân”, thì “vân vân” là: lẽ ra rộng trình bày các cõi, chỉ bệnh và lành bệnh.

Trong câu “A-nan dẫn nhân duyên Không Vương mà được thọ ký vân vân” thì “vân vân” là: cũng nên vượt qua nơi đây và bốn đoạn của chu dưới, đều căn cứ Thí và Nhân duyên. “Văn sau ở trong phẩm Pháp Sư vân vân”: văn nói nhân duyên đời trước sau đó bốn chúng hoan hỷ, là chỉ đoạn đầu văn trường hàng trong phẩm Pháp Sư. Đầu tiên nêu ra nhân loại trong đó liệt kê đầy đủ hàng tứ chúng tam thừa. Đã nói: “Các loại như vậy đều ở trước Phật nghe kinh Diệu Pháp Liên Hoa một câu,

một bài kệ, nhất niệm tùy hỷ”, cũng phải là văn hoan hỷ. “Nay mới vận đại bi...”: Chu đầu vốn là tự nghi, trong đây nhất hướng lợi vật mới vận đại bi, đây tức cần phải tu hạnh tịnh độ, là nền tảng của Bồ-tát hạnh. Căn cứ đây giải thích ý trước thì có thể thấy. “Có người nói...”: là người xưa nói. Thân-tử pháp thí đầu hai chu đều có một nghi, cho nên nói “mới cũ (tân cựu)”. Dùng 1200 người tại chu đầu chưa nghi, cho nên chỉ có “tân”. “Nay cho rằng thượng căn...”: là Thượng căn ban đầu nghe lược thuyết động chấp sinh nghi, nhờ chương ngữ Phật liền thâm hoạch đại ngộ. Trung căn chấp nặng khi nghe lược thuyết thì cùng thượng căn đồng nghi, tại pháp thuyết mà chưa ngộ thì nghi kia vẫn còn. Lẽ nào chẳng phải trung căn nghi nhiều hơn thượng căn? Cho nên, Thân-tử tự trình bày nói: “Con nay không còn nghi hối”.

“Các vị một ngàn hai trăm đây...”: là thuật chúng đồng có nghi hoặc, sao lại nói Thân-tử nghi nhiều?

Hỏi: Phàm phu cũng có người một phen nghe liền ngộ, đã nghe lược rộng năm Đức Phật khai quyền, và nghe Thân-tử lãnh thuật được thọ ký, long quý còn hay dẫn theo lệ, trung hạ căn tại sao ngu độn còn mê ư?

Đáp: Đây có hai nghĩa: 1) Chấp lâu; 2) Nhập vị. Giải tức phá chấp, chấp phá thì nhập trụ. Phàm phu không có hoặc đây sẽ dễ lãnh ngộ. Hàng Thanh văn do hai nghĩa, tuy nghe mà chưa chứng, đối với hạng chấp lâu này căn tánh không đồng, cho nên chia làm ba phẩm.

Kinh nói: “Nghe những điều chưa từng nghe”: Nghe Thân-tử bốn đoạn mà giáo xưa không có, căn cứ chương môn năm Đức Phật, ta chẳng phải tri kiến Phật. Nghiệm sở đắc xưa biết là không chân thật. Nay xưa chân thật đồng khác không phân biệt, cho nên nói “nghi hoặc”. “Vì bốn chúng phổ thỉnh...”.

Hỏi: Trước trong Pháp thuyết cũng trước ba sau một, nghe đã không ngộ. Nay lại thỉnh cũng trước ba sau một, thì cùng trước có gì sai khác?

Đáp: Nói “nhân duyên” tức là trước ba sau một, đầu cuối căn do, cho nên nói nhân duyên. Chương bốn Đức Phật lược, Thích-ca hơi rộng, tuy dùng Ngũ trước để giải thích nơi Quyền, mà đầu cuối chưa rõ cho nên khiến trung căn nơi đây không hiểu. Thí thuyết nêu rõ tương luân hồi, nêu đầy đủ nguyên do cho ba xe để ra khỏi nhà lửa, kiêm chỉ ý đòi ba cho một. Rộng trình bày đồng ban cho, con bình đẳng, tâm bình đẳng, đây mới đáp nhân duyên thỉnh.

Trong đây “bốn chúng”, ở trong chương bốn Phật trước, chẳng

những hai chúng Đương cơ và Kết duyên, mà còn phát ngôn và lãnh giải, tức là hai chúng Phát khởi và Ảnh hưởng. “Đổi”: là oán hận. “Khai thí”: Căn cứ Đại kinh dụ có thể nói “biến dụ”, thông giới nội ngoại và Đại tiểu thừa... Cũng có thể nói “phi dụ”: Thế gian không có nhà lửa đây từ đầu đến cuối và người cứu lửa ắt dùng xe vận chuyển. Trước cho sau đoạt, trước ba sau một, nhưng Thí cùng Hợp xen nhau có rộng lược. Nếu Thí lược hợp rộng, thì trước nhiếp Hợp vẫn đến đối Thí xong, đến Hợp lại phải đều hiểu rõ. Nếu Thí rộng Hợp lược, thì Thế Tôn đâu có thể lo lắng, phải hiểu rõ Thí hợp chỉ lược đối. Trong “Tổng thí” nói “Một môn”: Trên nói chủng chủng đối bất chủng chủng tức “một môn”. Trên nêu sở thi đối Phật đạo thuyết; Phật đạo tức là “một môn”, chủng chủng tức là thi quyền. Nay đưa ra sở hiển chỉ nói một môn; cũng là đều đưa ra khả năng kia, dùng năng đối sở, ý kia không khác biệt, tư duy có thể thấy. “Danh như khách...”: Hành thì tại ngã rồi, danh thì từ người khác truyền, Thật hành thì thân, Quyền hành thì sơ. Hành thân thì danh xa, khắp ba cõi. Hành sơ thì danh gần, chỉ tại Đồng cư. Phương tiện Thật báo thay đổi làm xa gần. Tuy là thân sơ lại xen nhau hiển danh hạnh tương xứng, người khác không lầm truyền. Bởi vì hạnh cao thì danh xa, danh dày ắt hạnh thân, cho nên dùng “xứ” để tiêu biểu đó, nghiệm danh hạnh không xen lạn. “Phong cương...”: “Phong” nghĩa là được thống lĩnh khu vực có giới hạn, “cương”: tức bờ cõi sở phong. Nhỏ thì gọi là “bang”, lớn thì gọi là “quốc”.

Lại nói: Thiên tử kiến lập quốc thì dùng nơi rất xa làm “quốc”, “tể” là chủ tể, chỗ có chủ cai trị là “ấp”, trong ấp đều ở gọi là “tụ lạc”, cho nên ấp, tụ lạc... xuống dần nhỏ lại. “Không dùng cựu thích”: Chỉ dùng hư không đối nơi Tam thiên cõi Đồng cư, thiếu hai cõi Phương tiện và Thật báo, vì vậy nên không dùng. Tiếp, dẫn ý luận: Rộng bàn đồng và khác, phạm nói lập Thí dụ thì thủ xả không đồng, luận thì nhân quả đều luận, nay tạm đơn cử nói quả báo. Vả lại thí dụ “Trưởng giả” là quả Phật, tức nghĩa tu nhân chẳng phải là điều nay luận. Trong cực quả vẫn dùng Y báo để hiển Chánh báo, cực quả nói thành ắt khắp ba cõi. Thế của cõi tuy tức ngang dọc tương “đối”, nhị mà bất nhị, nay theo dụng của cõi chỉ căn cứ dọc mà luận, cho nên rộng hẹp không đồng để hiển ở khắp. “Từ Bản thù tích...”: Ngày nay, trước thì từ bản Tích quang thị hiện ba cõi tích, đến hội Pháp Hoa thì nhiếp ba cõi tích, quy về bản Tích quang. Hành sở kế lý bản, danh sở cập xứ tích. Lý khắp ba cõi, hóa cảnh ắt khắp, trọn không có hành kém mà danh rộng. Tức thể dụng tương xứng, cho nên nói không có khách chủ sai khác, tức danh hạnh

thân côi đều tương xứng. Như xưa giải thích không chọn hai côi, chính vì dùng xứ được từ bi gia-bị làm “quốc”, thì khiến côi Đồng cư và “ấp” không sai khác. Cho nên không biết xứ được từ bi gia-bị kia rộng hẹp, mà làm quốc, thì hoàn toàn lỗi ở Thật báo, Phương tiện. Văn vẽ rực rỡ sáng tỏ, tức văn thể phân minh tướng đáng sợ. “Dương dật” (biển lớn tràn đầy): Trong đây ngoài đủ. Trong đây cho nên hành khắp, ngoài đủ cho nên danh bố. “Tam hoàng”: Phục Hy, Thần Nông và Hoàng Đế. “Ngũ đế”: Thiếu Hạo, Chuyên Húc, Cao Tân, Đường và Ngu. Hai thứ này đồng chỉ Sát-đế-lợi. Lại mượn đây để so sánh kia. “Hoàng” là trung, “Đế” là đức, tượng trưng thiên địa. Cõi đây các “tánh” (họ) ai mà không nương theo? Hể trước nay còn dùng thì chẳng phải là giữa đường hẻo lánh xa xôi riêng được, mà là dòng dõi của gốc kia (kỳ bản duệ). “Duệ” là y mặt (gấu áo), tức có bản (thân áo) để nương theo. Có người nói: Miêu duệ: Cỏ mới sinh gọi là miêu (mầm mống), tức bắt đầu có tánh (họ), nối dòng không lẫn lộn như mầm mống đầu nối dõi sau. “Tả điều hữu sáp” (đuôi chim điều cắm vào). “Điều”: sách Thuyết Văn nói: “Điều” tựa như chuột, xe cộ y phục rộng lớn thông thả đi. Chú giải rằng: giữa mũ tả điều hữu thiên hầu hai bên, như (thiên) con ve sâu thanh cao uống giọt sương chứ không ăn. Lại nói “hữu sáp” (cắm vào) là cài trâm. “Tả phụ hữu bật” (phụ tá vua) là thừa tướng. “Diêm mai a hành”: là giải thích thừa tướng. Như giàu sang cao quý đáng tôn trọng thăm hỏi truyền nói, đầy đủ như trong Chử Quán quyển bảy nói. “A” là “ỷ” (dựa, tựa). Ỡ là ký (nhờ). “Hành” là “bình” (công bằng). Đồng lãg.....: Như Đặng Thông. Hán Văn đế mộng thấy rơi xuống giếng được Thông cứu, liền triệu Thông đến xem bói nói là không tránh khỏi chết đói, Đế liền sai người đến núi Thục Đồng đúc tiền, cung cấp thì đâu còn chết đói ư! Sau Ai Đế đăng vị mang tổ cáo đúc tiền riêng dùng, nhân đó bị giam tù chết đói.

Có người nói chỉ là Văn Đế bị người khác ghen ghét, sau liền đói chết. Lại nhờ ban đầu giàu sang mà nói. Như Sách đời Tấn nói: Thạch Sùng có Kim cốc (hang vàng) tại phía Đông tỉnh Lạc Dương kéo dài sự tiến tới cũng là dẫn dắt. Nghĩa là uy do nghiêm túc vật không gắng gỏi mà thành, nghiêm cảm tinh khiết như sương, lãg cao, cao mà lại nặng không sai mà tự đi, có thể đi vạn dặm, cũng như kho vũ khí, binh khí nào mà không có dùng thì hành động, bỏ thì cất giữ... Bạch khuê: Là ngọc tốt Thuyết văn nói: Ngọc may mắn, trên tròn dưới vuông. Bạch hổ thông nói: Ngọc trong sáng ưa chiêm ngưỡng.

“Nhất nhân (một người)”: Hiếu kinh nói Thiên tử. “Xuất thế

trưởng giả”: mười văn đầy đủ. “Phật từ...”: là tánh, “công thành...”: là vị, “pháp tài...”: là (sang giàu) phú, “thập lực...”: là uy, “nhất tâm...”: là trí, “sớm thành...”: là kỳ (già), “ba nghiệp...”: là hạnh, “cụ Phật...”: là lễ, “mười phương...”: là kính, “bảy thứ.....”: là qui. Nếu dùng quả vọng nhân thì nên gọi là Viên giáo từ Đẳng giác trở lại, kỳ thật nhân phát tâm cứu cánh hai không sai biệt, cho nên mười đức đầy đều từ cực quả. Nếu từ đương phần quả phân quyền thật thì Quyền ba Thật một, mười đức danh đồng, danh... thể đương giáo biện rõ sai khác, cho nên khiến thật tế ba đế không đồng, cho đến sở qui nhiều ít cũng sai biệt. Sở dĩ “Trưởng giả” danh thông nay phải theo biệt, do biệt đứng đầu thông tức vượt bậc.

“Quán tâm Trưởng giả” có mười: “Quán tâm...”: là tánh, “tam hoặc...”: là vị, “tam đế...”: là phú, “chánh quán...”: là uy, “trung đạo...”: là trí, “cửu tích (lâu đã tích chứa)...”: là già dặn “đây quán...”: là hành, “lich duyên...”: là lễ, “năng như...”: là kính, “thiên long...”: là qui. Mười đức này không ra ngoài Cảnh, Trí, Hạnh ba thứ. Tuy chưa nhập vị như vương tử ở trong thai, cho nên gọi là “quán hành mười đức của Như Lai”. Nếu đối xuất thế lại tùy giáo kia quán biệt, quả biệt; chuẩn theo giáo vọng quán nhân quả tự phân tức dùng tam quán đối nơi tứ giáo, đủ xem đức tướng để tán thán nơi quán, khiến người học sau tu nhân đầy đủ. Do quán mười đức thành quả mười đức, do năng nhất tâm chiếu đủ ba pháp, tức là quán tâm mười đức đầy đủ. Cho nên văn “dẫn Phật tử...” lấy làm chứng minh quán tâm, như trong Chỉ Quán đủ thành oai nghi. Lại mười đức đây tức mười pháp thành thừa, thứ lớp hợp thì có thủ đắc. Vì sao? Vì thật tướng tức là chánh cảnh, duyên lý khởi thế nguyện cho nên gọi là trụ nhãn. Do tâm an lý xứng lý hàm tàng, trừ ba đế hoặc, được phá danh khắp, Trung đạo song chiếu không tắc không thông, vô tác đạo phẩm quá Thất phương tiện, trợ giúp khiến ba nghiệp đối lý không có lỗi, đối cảnh không lầm do y chân vị. Tín giải đã sâu cho nên năng an nhãn, không sinh pháp ái mới cảm sự cung cấp kẻ dưới. Ba giáo mười pháp triển chuyển giải thích nêu khiến thành mười pháp quán tâm của kinh này. Mười quán như đây không những ngang trong quán hạnh vị, mà từ sơ tâm đến mười quán sau đều đầy đủ. Cho nên mười đức đây nghĩa lại đọc sâu, lại cùng ngang đọc mười thừa hợp hết. Huống chi mười đức điểm tô kinh nghĩa đầy đủ. Phân lược xem khắp: Bộ phân mưu lược cho nên có xem khắp đại độ thông thấy. “Ti”: Sách Thuyết Văn nói: “ti” là tài (của cải). Sở dĩ nên lập ba loại Trưởng giả là vì: Hiệu “trưởng giả” vốn dùng thế đạo (đạo thế gian) để thí dụ xuất thế. Nguyên do xuất thế

đều cần phải quán, cho nên biết thẳng nói xuất thế quán tâm, không phân quyền giáo và dùng viễn bản nhưng vẫn còn lược. Trong đây đã thành ba cách giải thích: theo Nhân duyên, căn cứ Giáo, và Quán tâm. Lược thì mười tám...: Giải thích trí năng thác (nướng giá). Môn tuy lược rộng không ra khỏi nhà sở nhập. Nói lược rộng: Nhất cảnh nhất không, cũng có thể cảnh cảnh đầy đủ tất cả mười tám cho nên nói vô lượng. Như cho rằng nhất sắc nhất tâm đều đủ mười tám, như sắc đối căn, căn nội sắc ngoại và nội ngoại đều có, Không đây cũng Không cho nên nói Không Không. Nếu đặc ý này cho đến không có pháp, có pháp căn cứ đây nói có thể biết, chỉ từ tổng nói Không mười tám hữu, gọi là “Mười tám Không”, cho nên nói lược. Trong Mười tám có rộng lược nhiều ít, đầy đủ như trong Chỉ Quán quyển năm nói, và Pháp Giới Thứ Đệ, Đại luận rộng nêu. “Nếu luận...”: nêu phước tuệ để giải thích ruộng vườn nhà cửa. “Có nhiều ruộng nhà”: một nhà một cửa mà cửa kia còn nhiều, hướng chi nhà giàu nhà rộng. Một nhà nhiều cửa lý hợp vô lượng, cửa là đường đi ra khỏi nhà, đường đi vào nhà, cho nên cửa không thể một. “Điền” (ruộng vườn): Nghĩa là phương thức nuôi sống thân mạng, đối với mạng, ruộng không thể hẹp. Lại, bao gồm khắp Quyền Thật, cho nên gọi là nhiều môn (nhiều cửa). Nếu y tứ quán đồng quán thì xa môn trạch môn (cửa xe cửa nhà) không sai khác.

“Đồng bộc” đến “đầy đủ”: “Đồng bộc” như trong Chỉ Quán quyển bảy nói. Xét đồng bộc: Là giúp đỡ thân mạng, cho nên biết đều là trợ giúp định tuệ nhất Thật, trợ giúp không thiếu nên gọi là “đầy đủ”. Dụng cùng quyền biến cho nên gọi là “hòa quang...”. “Huyệt huyệt”: là Thặng (dư thừa), cũng là địa vị quan ngoại nhân rồi, chúng sinh ở ngoài Thánh vị cho nên nói “huyệt huyệt”. Đối các giáo quán khác còn lại còn không sở thuộc, hướng chi năng thuộc vị Thánh tột cùng! “Đều là trạch (nhà)”: Nhà là Chỗ ở, không ra ngoài ba cõi, từ lâu ở, cho nên gọi là nhà (trạch), thế gian đều như vậy, cho nên nói “đều” (giai). Như Lai dẫn dụ “Vật thống nhi (giống như) gia”. “Thống” là chủ. “Gia” cũng là chỗ ở. Có người lấy đệ bát thức làm “gia” (nhà), đều là tùy mê, tại sao không tổng tám mà nói đệ bát? Đạo tràng quán ý lý là trí thông, lý đã là một môn đầu dung chứa hai, xuất ắt do môn cho nên không khác đường. Quang Trạch lấy giáo làm môn. Trạch (nhà): Là tam giới. “Chín mươi”: Văn nói theo lược, tức chín mươi sáu. Chín mươi sáu: là nhiều đường: Nếu muốn ra khỏi nhà thì chỉ dùng một cửa. Chín mươi sáu đường tuy đều nói là đường chân thật. Như theo chiều ngang qua lại rong ruổi chạy, cho nên Chín mươi sáu đạo thì kinh nói chỉ có một đạo là chánh,

(dư) còn ngoài ra đều là tà. Có người dẫn nhiều luận nói: Lục sư đều có mười lăm đệ tử và Bản sư sáu, tức Chín mươi sáu. Căn cứ Kinh Cửu Thập Lục Đạo: không nói điều này, Kia luận tự là một đường, đâu có thể lục sư nhất định mỗi sư đều chỉ mười lăm đệ tử. Trong chín mươi sáu có tà có chánh, đầy đủ như trong Chỉ Quán quyển ba nói. “Nay nói...”: là phá hai luận già. Trong đó chia làm năm:

1) Trước phá hai sư. “Nếu riêng lý...”: trước nạn vấn đạo tràng, lý là sở thông. Nếu dùng sở làm năng, thì năng thông là sở, sao lại sở thông? Nghĩa môn không thành thì sao gọi là môn? “Riêng giáo...”: tiếp phá Quang Trạch. Nếu không vì sở lập năng đặc năng, thì chúng cuối cùng không có chỗ đến, nhưng lý không dung nạp nhiều, môn lẽ nào chỉ có một? Nay nói “một”: đầy đủ như sau giải thích. Nhà đã là nơi nghỉ ngơi thì chỉ nên dựng lập một, còn nói là có nhiều, hướng chi môn năng thông tức môn Bất nhị trong kinh Tịnh Danh có tám ngàn. Nay lý giáo tương vọng không thể riêng luận.

2) “Tiếp nay dùng...”: là định tương môn kia tức lấy giáo của lý làm môn, lý đã là một giáo không chứa hai, lại tổng làm một. Chỉ một câu đây song phá hai sư, tức lấy năng của sở, cho nên từ năng có đến. Tuy không chánh phá đạo tràng dụng trí mà trí vọng nơi giáo đồng là năng lấy, giáo năng đã phế bỏ, trí năng cũng như vậy. Nhưng trí chắc y giáo mà quán nơi cảnh, nghĩa đã kiêm năng sở, lại không thể nói đặc trí. Tuy nhiên, hiện trái kinh văn. Kinh nói giáo môn, mà Quán sư nói lý trí, cho nên cũng cùng Quang Trạch đồng hoại.

3) “Văn nói...”: là dẫn chứng, giáo là năng thuyên Niết-bàn là sở đều khác với hai sư.

4) “Môn lại có hai...” phân biệt, giải thích. Trong giải thích lại có hai: Đầu phân biệt Đại tiểu tuy đồng mà có năng sở, Đại tiểu ngăn cách như trời vực vì vậy cho nên cần phải biện rõ Quyền Thật hai năng. Nếu biết hai năng, thì hai sở có tồn tại. Nếu biết Thực sở thì năng sở quyền đều thành thực năng. Khéo biết phân biệt rồi sau mới luận hội.

5) “Nếu trạch (nhà)...”: thiết lập nạn vấn, lại dùng xưa nay đối đãi nhau làm vấn nạn. Trạch là sở xuất, xe là sở nhập, cửa nhà là đường đi ra, cửa xe là đường đi vào. Hai đường đã không đồng, ra vào đều sai khác; vì vậy cho nên cửa nhà chẳng phải cửa xe. Cho nên nay nạn rằng: Nếu cửa xe và cửa nhà là một, thì tại sao ra khỏi nhà vẫn chưa được xe?

Nếu tuyet đối đãi thì nay nên nêu câu hỏi: Nếu cửa của xe lớn chẳng phải cửa nhà thì khi đòi cũng nên riêng có đường ra, vì sao lại từ

nơi ra xin xe lớn? Trưởng giả cũng chỉ ở đây cho xe lớn (Đại). Lại, hỏi: Được trạch môn rồi mà chưa được xa môn thì trú ở nơi nào? Đáp: Đại tiểu khác đường cho nên nói “biệt”, khai tiểu tức Đại đồng khác như thế nào! Cho nên nay trình bày bài xích thì xa và trạch (xe nhà) hoàn toàn sai khác.

Khai thì hai môn không khác, nhà cùng xe một, hai môn đâu có sai khác. Cho nên tam thừa có đủ hai nghĩa: Nướng giáo ra khỏi nhà không thấy tiểu xa (xe nhỏ), trung gian đã trải qua hai vị điều hòa thuận thực mới theo cha đòi xe mà trước cha đã hứa cho. Đã đòi thì phải cho, khai tiểu môn kia đều là Đại giáo. “Môn...”: tiểu lý trọn không sai biệt, tuyệt lý không hai thô diệu, thể chỉ một. “Pháp trụ pháp vị, thế gian tướng thường”, thì tam giới còn có gì sai khác? Nếu không trước khác thì làm sao luận đồng? Người không có khổ đối nay đều hội. “An ổn đối pháp không an ổn”: Như Lai đã trụ Niết-bàn an ổn, đối với pháp ngũ trước kia không an ổn, cơ cảm gặp nhau gọi là “đối”; nơi không an ổn cũng lại như vậy.

“Trường bích” (vách phen) dụ chi tứ đại: Ứng thông ba cõi đều giảm tổn, vô sắc tuy không có tứ đại tạo sắc mà định quả sở vị đều là vách phen. Ba cõi đều do ý thức duy trì. Nếu căn cứ các tông, thì vô sắc chẳng phải hoàn toàn không có sắc tứ đại, mà tao nhã thích hợp kia. “Muốn khiến...” là quán giải: Trước thì thông ba cõi mình người, cho nên thuộc nơi sự, đây quán thân mình tức nghĩa quán tâm. Có người đến đây lại dùng y chánh hai báo hợp dụ có gì không thể ư? Lại như thành hoại mỗi hai mươi trung kiếp. Nếu không có hữu tình thì làm sao giải thích trước? Nghĩa thiêu ít ngăn cách, cho nên không dùng. Văn nay chỉ căn cứ ba cõi chánh báo nhân quả, lấy Chánh báo nhiếp Y báo, nghĩa kia tự đủ. “Hốt nhiên (bỗng nổi lên)...”: Nếu chỉ căn cứ tiểu thừa thì vô thủy tương tục bèn thành bản hữu (vốn có), niệm niệm sinh diệt bèn là nay không có. Nay thêm Đại thừa tánh lý vốn không, do vô minh cho nên “có”. Cho nên, nói “xưa không, nay có”. Nói “vô minh” là bao hàm thô tế; nay chỉ thô là tế lẽ nào có thể có các đường khác? Nhưng nói “vốn không” thì người thường nói, đây là rất khó. Cho nên Đại kinh nói: “Vốn không nay có, vốn có nay không, ba đời có pháp, thì không có lý đó”. Nay tuy dẫn một câu cùng ba câu liên quan nhau, cho nên cần lược biện phân biệt Đại ý. Nhưng một bài kệ này bốn xứ xuất, người xưa gọi là Niết-bàn tứ trú cũng gọi là tứ xuất kệ. Cho nên biết giải thích không đúng lý thì nhà Niết-bàn nghiêng đổ. Nói “tứ xuất”: Nghĩa là Thứ chín, Mười lăm, Hai mươi lăm, Hai mươi sáu. Đại lý tuy đồng nhưng đối văn

thì có chút sai khác. Thứ chín: Giải thích phẩm Bồ-tát, nghĩa sai biệt không sai biệt. Thứ mười lăm: Giải thích phẩm Phạm Hạnh, nêu đặc tức không đặc, không đặc tức đặc. Thứ hai mươi lăm: Phẩm Sư Tử Hống, giải thích hữu bất định hữu, vô bất định vô. Thứ hai mươi sáu: Phá định tánh, nêu vô tánh. Xưa nay giải thích tùy tình không đồng. Thành luận sư nói: Trước Kim Cang tâm thì vô thường, thường thì vốn có nay không, vô thường thì vốn không nay có. Lại nói: Vốn có phiền não nay không Bát-nhã, như đây có không đều tại xưa, cho nên ở trước Kim Cang, sau ba đời có pháp thì không có lý đó. Địa luận sư nói: Thường pháp thể dụng vốn có nay không. Chương An vấn nạn rằng: Bản ẩn nay hiển, cũng nên hiển rồi lại ẩn. Tam tạng nói: Chúng sinh vô thủy mà hữu chung, Niết-bàn vô chung mà hữu thủy. Nay nạn vấn, pháp vô thủy chính là vô chung, pháp vô chung ắt phải vô thủy. Nếu phiền não hữu chung là pháp có thể hoại, pháp đáng hoại nghĩa ắt có thủy, hữu thủy hữu chung đều từ duyên sinh tại sao đặc Niết-bàn mà nói hữu thủy. Hữu thủy ắt chung toàn đồng phiền não. Lẽ ra nói phiền não vô thủy thể tức Bồ-đề, cho nên vô chung; Bồ-đề vô thủy tức phiền não. Niết-bàn sinh tử cũng có thể căn cứ đây biết. Nay tức căn cứ Đại, cho nên lại nói “vốn (xưa) không, nay có”. Kỳ thật vốn có, tức sinh tử là Niết-bàn; do từ mê cho nên mà nay không, lý tịnh vốn không từ mê mà nay có, cho nên nói vốn không nay có. Tiểu tông nếu nói “vốn không nay có” thì từ duyên sinh cho nên nói vô minh. Quán sát ý các sư cùng Niết-bàn lý đều không tương đương.

Chương An có năm giải thích:

- 1) Căn cứ ba đế.
- 2) Căn cứ thường vô thường.
- 3) Căn cứ trí ba trí.
- 4) Căn cứ Tứ Tất-đàn.
- 5) Căn cứ bốn môn.

Nay văn chính là cùng nghĩa thứ hai đồng, vốn không nay có thường tức vô thường... Riêng căn cứ Tiểu tông, chỉ nên căn cứ kệ bên dưới đầu tiên giải thích nghĩa “lâu cũ”, mà nói ba cõi vô thủy là “lâu”, chẳng phải nay tạo cho nên gọi là “cũ”. Nay khai giáo vi diệu, cần phụ tông vi diệu. Cho nên giải thích “hốt nhiên” nói “vốn không nay có”, chỉ y Chương An ý giải thích thứ hai, văn nghĩa thì hợp. Cho nên, biết lại dụng vô thường một bên, tức thường một bên nghĩa sẽ lại che phủ. Lại người khác đến đây rộng nêu bày chương nghĩa bát khổ tứ sinh, chẳng phải chánh ý văn chỉ biết mà thôi. “Không có căn cơ này là Năm trăm

người” là các con nói chung. “Ba mươi người” là chỉ riêng, cho nên biết lúc trước thông năm đường, nay tại chúng Kết duyên. Nói đây không có căn cơ là từ khước chỉ trước liệt nêu, vậy thì nói Năm trăm chỉ có Chánh nhân. Luận ba mươi biệt tại Duyên và Liễu. Trong văn liệt, do năm trăm người đây là sinh cơ xứ. “Hoặc là Tiểu thừa nhiếp...”: Gặp đời có Phật đời không có Phật không đồng. “Đều nói mười”: Trong văn hợp nói hoặc mười, hoặc hai mươi cho đến ba mươi. Ý nói tam thừa đều mười mà thôi. Đều nói “trong có trí tánh”, là trí ất đầy đủ mười, so với mười một trí trong kinh Đại Phẩm vì không có Như thật trí. Nói mười trí: Nghĩa là Thế trí, Tha tâm trí, Khổ, Tập, Diệt, Đạo trí, Pháp Tỷ trí, Tận, Vô sinh trí, lược như trong Huyền Văn Diệu trí nói, rộng như trong phẩm Trí ở luận Câu-xá nói.

Văn kia tổng làm sáu môn giải thích:

- 1) Hữu lậu vô lậu.
- 2) Triển chuyển tương nhiếp.
- 3) Cùng tam Tam-muội tương ứng.
- 4) Cùng căn tương ứng.

5) Nêu duyên cảnh nhiều ít... Như mười trí này thì Tam tạng, tam thừa trước sau đều tu, cho nên người tam thừa nhờ đó mà ra khỏi nhà, chẳng phải chánh ý nay không tiện rộng nói. “Thân thọ...”: đảo sở y. “Từ đây...”: là đảo tướng. Lược như trong Chỉ Quán quyển bảy văn ghi chép. Chuẩn theo kinh luận thứ lớp lập. Đây trước nên lập Ngũ đình tâm vị. Luận Câu-xá nói: Nhập tu cần hai môn là Bất tịnh quán và Sở tức. Người tham tầm tăng thượng, như thứ lớp nên tu. Vì thông trị bốn thứ tham lại biện quán xương tiêu, rộng đến như biển. Lại lược gọi là “bắt đầu huân tập nghiệp vị”, trừ chân đến nửa đầu gọi là “đã tu thuần thục”. Buộc tâm tại mi gian (giữa chân mày) gọi là “siêu tác ý vị”. Cái gọi là tham: Hiện sắc hình sắc cung phụng xúc cảm. Với Đại luận nói sáu tức thiếu nhân tướng, âm thanh phóng túng. Sở tức...: A-na đây nói bỏ đến, Ban-na đây nói bỏ đi chỉ là hơi thở ra vào. “Bát khổ”: là đảo quả. Đại Kinh quyển 12 nói: “Cái gọi là khổ: Lấy sự bức bách làm nghĩa”. Nói bức bách: Là ba khổ, tám khổ. Nói ba khổ: Là y ba thọ mà sinh. Khổ thọ sinh khổ khổ, sinh tại Dục giới. Khổ v.v... ba đường cho nên gọi là khổ khổ. Tam giới đã khổ, Dục giới lại khổ, cho nên nói khổ khổ. Lạc thọ sinh hoại khổ, khi lạc hoại thì khổ... nơi ba đường cho nên nói hoại khổ. Khổ trong hành xử, gọi là hành khổ, thông đến Vô sắc. Câu-xá nói: Như để một lông mi trong lòng bàn tay thì người không biết, nếu để trên tròng con mắt thì làm tổn hại không an. Phàm phu như bàn tay,

bất giác hạnh khổ như mí mắt Cho nên Đại kinh nói: Ở trong khổ các cõi dưới, ngang nhiên sinh lạc tưởng. Biệt luận tuy vậy mà thông khắp tam giới, đều đủ ba khổ. Nói tám khổ: Tức sinh....

Sinh khổ có năm: 1) Sinh khổ tức lúc đầu thọ thai. 2) Đến cuối cùng. 3) Tăng trưởng. 4) Xuất thai. 5) Chủng loại.

Lão khổ có hai thứ: Niệm niệm, chung thân. Lại có hai thứ: Tăng trưởng và Diệt hoại.

Bệnh khổ: Một tứ đại không điều hòa, tức có hai thứ nghĩa là thân bệnh, tâm bệnh.

Tử khổ: Có ba: 1) Nghiệp báo. 2) Ác đối. 3) Thời tiết đối dứt. Lại có hai thứ: Bệnh tử, ngoại duyên....

Ái biệt ly khổ: Xả đối tượng ái tức là hoại khổ.

Oán tắng hội khổ: Tức là khổ tâm, khổ tâm lãnh nhận nơi khổ cảnh.

Câu bất đắc khổ: Trở lại căn cứ ái biệt ly, oán tắng hội để nói.

Ngũ ấm xí thạnh khổ: Kinh giải thích bảy thứ khổ trước là ngũ ấm xí thạnh khổ.

Ca-diếp hỏi rằng: Nghĩa ấy không đúng. Như xưa đức Phật nói tất cả chúng sinh đều mong cầu nơi sắc, sắc nếu là khổ thì không nên cầu sắc? Phật dạy: Khổ có ba thứ: Tức là ba thọ, tuy cầu không được không khổ như trước. “Nếu biết...”: khởi quán niệm xứ. Luận Câu-xá nói: Tu Ngũ đình rồi thì tiếp tu Niệm xứ, nghĩa là dùng chỉ quán tự tướng cộng tướng tu thân thọ tâm pháp, tự tướng biệt tu. Tất cả các pháp hữu vi đều là tướng Vô thường, tất cả hữu lậu đều là tướng Khổ và tất cả pháp tướng Không, ngoài ba thứ này đều là pháp niệm xứ thu nhiếp. Mỗi mỗi đều có ba duyên: Nghĩa là tự, tha, đều có tổng thành mười hai, từ thô đến tế. Nói tổng tướng: Hoặc tổng hai, ba, bốn, đây tổng nhưng biệt, chỉ pháp niệm tổng, đầy đủ như trong Huyền Văn tứ cú phân biệt. Tứ sinh: Thai sinh, noãn sinh, thấp sinh, hóa sinh, đầy đủ như trong luận Câu-xá quyển 8 phẩm Thế gian nói rõ. Luận nói: Trong đó có tứ sinh hữu tình, nghĩa là noãn..., người, bàng sinh đầy đủ bốn, địa ngục và chư thiên, trong đó có chỉ hóa sinh; quỷ thì chung thai hóa hai thứ.

“Liên rất kinh sợ” đến “có khổ”: Trưởng giả đại bi ứng Tiểu thừa và thoái tâm Đại thừa kia, đồng thời mà khởi. Nói “không vui, có khổ” nghĩa bao gồm Đại tiểu. Xưa từng nghe Đại nghĩa như có vui, thoái Đại thừa lưu chuyển quên mất quán giải kia. “Từ niệm không vui (lạc)”, chỉ có khổ kia, vì khổ cho nên thích hợp “bi”. Đại tiểu ứng pháp cần phải giải thích “xuất”. “Ta dù có thể” đến “nghĩa từ bi”: Tuy xuất mà

nhập, cho nên thành “từ bi”. Tiếp, “Tuy là...”: giải thích chữ “tuy”. Trong đó trước là thông thích đại ý, tiếp là biệt thích môn sở cảnh. Đầu vấn: Trưởng giả trước đã ở ngoài an ổn, tuy an ổn mà sợ, tuy xuất mà nên nhập, mới biết Như Lai thường trụ Đại bi, ở yên trong Niết-bàn mà không lia tam giới, cho nên dùng “an ổn đặc xuất” để giải thích “kinh sợ”. Thấy con về bản chất có chí lớn (Đại) như từ lâu đã an ổn, do thoái đoạ khổ, lại khởi tiểu bi như bắt đầu kinh sợ. An ổn không lâu cho nên gọi là “tuy”. “Mà chúng sinh...”: giải thích nguyên do khiến cha kinh sợ, do chưa được cùng cha đồng an ổn.

“Như Lai...”: Nêu nguyên do vào nhà lửa là do tiểu bi. Con đã đoạ khổ, dùng nơi con khổ để giải thích an ổn, cho nên nói “không bị tám khổ bốn đảo...”. Cho nên nói “Phật trí” tuy thông Bản thật, lại phân quyền tích mà làm chánh giáo. Cho nên dưới giải thích “môn” thì từ thuyên giảng tiểu thừa mà giải thích. Tiếp, “Kinh nói...”: Là biệt nêu nghĩa môn để giải thích nghi. Trước, lại nêu kinh. Tiếp, “Nay hỏi...”: Là biệt giải thích. Đầu tiên, lập nghi. “Bào chữa nói...”: là người khác tuy bào chữa vẫn chưa thông, sợ thiêu giáo có lỗi, bèn tránh giáo mà thiêu người, người còn bị thiêu thì cần gì giáo ấy. “Như môn...”: người khác lập dụ. Nay hỏi: dù khiến không thiêu, từ nhân (người) được tên, người quyết định bị thiêu không? Người nếu quyết định bị thiêu thì đâu khác Chín mươi (ngoại đạo)? Huống chi kinh nói: “Dùng Phật giáo môn xuất khổ tam giới”, thì người đâu từng bị thiêu? Nếu vậy, cả hai đều không bị thiêu thì có hai lỗi (thất): 1) Đều thường, mà đây chưa nêu thường. 2) Trái kinh. Kinh nói: cửa nhà bị cháy an ổn đặc xuất, khiến không có gì ngăn ngại. Từ “Lại hỏi...” trở xuống: lập lại ý nạn vấn: Lại lập nạn vấn thiêu cháy nhà. Nếu không cho phép thiêu giáo thì nên thường trụ, nay muốn chánh giải. “Nay giải...”: là chánh giải thích. Có thí dụ có hợp. Ý nêu Tiểu giáo đã chẳng phải sắc, tức Trung đạo pháp giới, giáo đây sao được không gọi là Vô thường? Nhưng Tiểu lý bất diệt Đại giáo ức chế. Tiểu giáo vô thường, nghĩa đồng bị thiêu, cũng như cửa gỗ. Lý chẳng phải vô thường, cũng như cửa Không. “Thiêu” và “an ổn” hai nghĩa đều thành. Nếu y cứ người xưa, thì người đã bị thiêu không được gọi là “an ổn đặc xuất”. Bản ý lập môn khiến kia không thiêu, chỉ có bị thiêu mà không có xuất thì nghĩa “môn (cửa)” không thành, “Đại kinh...”: Dẫn chứng. Kinh: Dùng nhân trước cửa mười tiên, nghĩa đồng năng thuyên, dùng nhân vọng quả cũng có thể mượn để dùng, như nhân Tiểu chứng Đại. Tiểu không có vô thường, thì Đại lẽ nào vô thường? “Nếu tiểu...”: đây lại đem Tiểu thông đối Diển môn.

Nói “Văn tự tức giải thoát...”: Đại Tiểu sắc giáo đều là thường. Chỉ có tức bất tức sai khác, mới thành thiêu bất thiêu sai biệt. Tùy nghi cho nên “bất tức”, thuận lý cho nên “không thiêu”. Nay đều khai hiển tức thiêu không thiêu. “Nếu căn cứ...”: lại dùng Quyền Thật hai trí đối giải thích. Từ thi (thiết lập) Quyền biên cho nên nói “Quyền từ sở thiêu”. Đồng thể Quyền vốn tự thường trụ, dù tùy theo che phủ mà nói Quyền là sở thiêu, vẫn phải phân biệt, thì trong Quyền của ba giáo chỉ có Quyền của Tam tạng sinh diệt gọi là thiêu, hai thứ còn lại thì có chút sai khác. “Cho nên trước...”: dẫn chứng Đức Phật vốn muốn dụng Thật trí ví như kỷ án (bàn ghế), sự không thâm hoạch rồi mới thiết lập nơi vô thường, tức là sở thiêu Quyền trí. Có người nói: Căn cứ người không tin gọi là “sở thiêu”, đức Phật xưa từ đó mà xuất ra cho nên gọi là “an ổn”. Tuy là một đường không bằng văn nay. Kinh nói: “Nếu không kịp thời ra thì ắt sẽ bị thiêu cháy”. Cho nên nói “đắc xuất” (được ra) thì chẳng phải riêng trường giả, nói “bị thiêu” lẽ nào chỉ là kẻ không tin? Nên biết giáo pháp sinh diệt gọi là “sở thiêu”, chẳng phải do chúng sinh không tin cho nên diệt, nhà do trước (xấu) cho nên bị thiêu cháy, giáo môn tại sao có trước? Chỉ thanh giáo không trụ, nghĩa đồng sinh diệt, sinh diệt nói thiêu cho nên phải phân phán.

“Nhạo trước hi hí...”(Ưu vui chơi...): Trước là phân chữ để giải thích. “Hi” là du nhạo. Du gọi là vui thích khắp, cho nên thí dụ Kiến hoặc khắp tam giới. “Hí” tuy cũng nhạo mà tùy chỗ, chẳng khắp vì trong tam giới bị trói buộc riêng biệt. “Lại, đam miện...”: hợp chữ mà giải thích: hai chữ này nghĩa thông gọi là “nhạo”, cho nên dùng hai chữ đều thông Kiến Tu, do “trước” ái kiến đều mất đạo. Ái Kiến là Tập, Tập ắt chiêu Khổ; đầy đủ Khổ, Tập nên ắt không có Đạo, Diệt.

